

PHỤ LỤC II
DANH MỤC HOÁ CHẤT - SINH PHẨM XÉT NGHIỆM

STT	Tên hóa chất, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến sử dụng năm 2026-2027
1	2	3	7	8
I	HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA AU480			
1	Uric Acid	10x44ml	Hộp	1
2	Ure	R1: 5 x 44mL , R2: 5 x 11mL	Hộp	2
3	Creatinine	R1: 5 x 44mL, R2: 5 x 11mL	Hộp	2
4	Cholesterol	10x44ml	Hộp	1
5	GGT	R1: 2 x 44mL, R2: 2 x 11mL	Hộp	1
6	Glucose	10x44ml	Hộp	2
7	Total Protein	10x44ml	Hộp	1
8	AST	R1 6 x 44ml , R2 6 x 11 ml	Hộp	2
9	ALT	R1 6 x 44ml , R2 6 x 11 ml	Hộp	2
10	Triglyceride	10x44ml	Hộp	1
11	Sample cup	Túi/1000 cái	Túi	5
12	Wash Solution	5L	Can	3
13	Alcohol	4 x 10 mL	Hộp	2
14	ETHANOL CALIBRATOR / CONTROL SET	4 x 10 mL	Hộp	1
15	ERBA NORM	4 x 5mL	Lọ	2
16	XL MULTICAL	4 x 3mL	Lọ	2
17	ERBA PATH	4 x 5mL	Lọ	2

18	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry Programme (Chương trình ngoại kiểm Riqas Sinh hóa)	hộp 12 lọ x 5ml	Hộp	2
II HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC Hemaxa 1000				
1	Cleaning Solution	Dung dịch rửa máy. Sodium Hypochlorite 5% 100ml	Lọ	3
2	Dia-Diluent	Sử dụng như một dung dịch đẳng trương đã lọc, không chứa axit để đếm và định cỡ tế bào máu.; Natri clorua 3,0 - 5,5 g / L; Natri Sulfat. khan 7,5 - 11,5 g / L; Kháng nguyên đệm 1,0 - 3,0 g / L; Chất chống nấm và chống vi khuẩn 0.8 - 2.5 g / L; Chất ổn định và chất bảo quản.	Thùng	6
3	Dia-Lyse	Muối amoni bậc bốn <50g / L; Chất hoạt động bề mặt Nonion <15g / L; Isopropanol 0,1-1,5ml / L; Etanol <15ml / L; Chất ổn định và chất bảo quản	Chai	8
4	Dia-Rinse	Natri clorua 3,0 - 5,5 g / L; Natri Sulfat khan 7,5 - 11,5 g / L; Polyoxyetylen Ester 0,3 - 1,5 g / L; Chất chống nấm và chống vi khuẩn 0.8 - 2.5 g / L; Chất ổn định và chất bảo quản.	Thùng	5
5	RIQAS Monthly; Haematology; Haematology Programme; (Chương trình ngoại kiểm Riqas Huyết học)	hộp 12 ống x 2ml	Hộp	4
6	E-Z Cleanser,	Proteolytic Enzyme 3.0 - 10 g / L Chất hoạt động bề mặt 0,3 - 1,5 g / L Natri clorua 3.0 - 5.0 g / L Chất chống nấm và chống vi khuẩn 0,5 - 2,5 g / L Chất đệm 1,0 - 4,0 g / L Chất ổn định và chất bảo quản	Hộp	12
III TEST NHANH, SINH PHẨM.				
1	Anti A 10ml	Thuốc thử định tính kháng nguyên A trên tế bào hồng cầu, lọ 10ml	Hộp	2
2	Anti AB 10ml	Thuốc thử định tính kháng nguyên A,B trên tế bào hồng cầu, lọ 10ml	Hộp	2

3	Anti B 10ml	Thuốc thử định tính kháng nguyên B trên tế bào hồng cầu, lọ 10ml	Hộp	2
4	Giêm xa pha sẵn	Thuốc nhuộm Giêm sa 500ml	Chai	1
5	Dầu soi	Dầu soi kính hiển vi	Chai	1
6	HCL	Dung dịch Axit HCL	Chai	1
7	Test HIV 1/2	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,5%, hộp 30 test	Test	100
8	Test HBsAg	"Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương người; - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.88% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04; - Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml". hộp 50 test	Test	800
9	Test HCV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,2%. - Vạch chứng IgG người". Hộp 50 test	Test	800
10	Dengue IgM-IgG	Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/Máu toàn phần. Qui cách test thử: (Ngang : 0.42cm, chiều dài: 6cm, độ dày: 0.15cm) - Độ nhạy $\geq 97,3\%$; - Độ đặc hiệu $\geq 98,1\%$. - Độ chính xác $\geq 97.7\%$; - Độ lặp lại: 100%. - Độ ổn định: 100%; Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. hộp 25 test	Test	60
11	Bóng đèn halogel	Bóng đèn dùng cho máy sinh hoá AU480 . 12V20W. Hộp 1 cái	Cái	5
12	ASO LATEX TEST	Xác định định tính, và bán định lượng để phát hiện nhiễm trùng tiên phát do Streptococcus nhóm A và C	Hộp	2
13	CRP LATEX TEST	Xác định định tính và bán định lượng phát hiện C-Reactive Protein trong huyết thanh	Hộp	1
14	RF LATEX TEST	Pét nghiệm RF Latex phát hiện trực tiếp và bán trực tiếp các yếu tố Rheumatoid	Hộp	2

15	Test Ma túy tổng hợp 5 trong 1	Phát hiện định tính 5 chất gây nghiện Amphetamine (AMP); Marijuana (THC); Morphine (MOP); Codeine (COD); Heroin (HER) trong nước tiểu	Test	500
16	Test nước tiểu 10TS (Eba/)	Xét nghiệm các thông số nước tiểu. Các chỉ số đo: Specific Gravity, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Glucose, Ketones, Urobilinogen, Bilirubin, Blood".	Test	1.000
17	Test thử đường huyết SD	Công nghệ Bio-Sensor	Test	500
18	Test thử đường huyết OGCare test strip	Que thử dùng cho các dòng máy đo đường huyết	Test	100
19	HbA1c	*Xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c (HbA1c) trong máu toàn phần người. *Sử dụng trên hệ thống sinh hóa tự động AU480 hoặc các máy dòng AU tương đương *D79Có khả năng định lượng đồng thời: +HbA1c. +Hemoglobin toàn phần (THb). +Tính toán kết quả HbA1c theo tỷ lệ HbA1c/THb	Test	200

